Bộ, tỉnh: Tỉnh Yên Bái

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Yên Bái

Mã đơn vị: 1056742

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Giá trị theo chứng thư thẩm định giá	Nguồn gốc (Ngân sách)	Giá trị theo hồ sơ thanh toán, quyết toán (nếu có)	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Nghìn đồng)	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Nghìn đồng)	Nguồn khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
II	**Tài sản giao mới**						**636.497**						
4	**Tài sản cố định khác**						**636.497**						
	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	bộ	1	DELL	Trung Quốc	2024	22.330						
	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	bộ	1	DELL	Trung Quốc	2024	22.330						
	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	bộ	1	DELL	Trung Quốc	2024	22.330						
	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	bộ	1	DELL	Trung Quốc	2024	22.330						
	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	bộ	1	DELL	Trung Quốc	2024	22.330						
	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	bộ	1	DELL	Trung Quốc	2024	22.330						
	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	bộ	1	DELL	Trung Quốc	2024	22.330						
	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	bộ	1	DELL	Trung Quốc	2024	22.330						
	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	bộ	1	DELL	Trung Quốc	2024	22.330						

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua (Nguyên giá)	Thời gian bảo hành	Nguồn gốc tài sản (Ngân sách)	Giá trị còn lại (Nguyên giá)	Giá trị còn lại (Hao mòn)	Giá trị còn lại (Giá trị còn lại)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Lưu điện dùng cho hệ thống máy chủ	Cái	1	UPS ANGUSTOS	Trung Quốc	2024	28.400						
	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chiếc	1	DELL LATITUDE 3540	Trung Quốc	2024	26.660						
	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chiếc	1	DELL LATITUDE 3540	Trung Quốc	2024	26.660						
	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chiếc	1	DELL LATITUDE 3540	Trung Quốc	2024	26.660						
	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chiếc	1	DELL LATITUDE 3540	Trung Quốc	2024	26.660						
	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chiếc	1	DELL LATITUDE 3540	Trung Quốc	2024	26.660						
	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chiếc	1	DELL LATITUDE 3540	Trung Quốc	2024	26.660						
	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chiếc	1	DELL LATITUDE 3540	Trung Quốc	2024	26.660						
	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chiếc	1	DELL LATITUDE 3540	Trung Quốc	2024	26.660						
	Thiết bị chuyển mạch loại 4		1	Juniper	Đài Loan	2024	92.354						
	Thiết bị chuyển mạch loại 5	Chiếc	1	Juniper			52.503						
	Tổng cộng						**636.497**						

Ngày 12 tháng 02 năm 2025

Người lập báo cáo	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên và đóng dấu)*
Trang	
Phạm Đoan Trang	**Vũ Tuấn Hà**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Bộ, tỉnh: Tỉnh Yên Bái
Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Yên Bái
Mã đơn vị: 1056742
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Chi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng m2)							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
1	Giá trị quyền sử dụng đất tại Khu phố 2, Thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, Tỉnh Yên Bái	270	2.025.000	270																	
2	Giá trị quyền sử dụng đất tại Khu phố 5, Thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái	206	465.000	206																	
3	Giá trị quyền sử dụng đất tại Số 1028, đường Điện Biên, Tổ 35, Phường Đồng Tâm, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	1.485	59.400.000	1.485																	

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị tài sản theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
4	Giá trị quyền sử dụng đất CCTK huyện Mù Cang Chải tại Tổ 3, Thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	577	10.501.400	577																	
5	Giá trị quyền sử dụng đất của trụ sở CCTK khu vực Văn Chấn - Nghĩa Lộ tại Tổ dân phố Hồng Sơn, Thị trấn Sơn Thịnh, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái	597	1.194.400	597																	
6	Giá trị quyền sử dụng đất trụ sở CCTK khu vực Yên Bình - Lục Yên (trụ sở huyện Lục Yên) tại Tổ 7, Thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	339	2.206.750	339																	
7	Nhà công vụ (Nhà khách 3 tầng)									2016	350	3.418.622	1.919.102							Sử dụng khác: 350	
8	Nhà để xe ô tô và bờ kè hàng rào VPC									2020	68	889.744	593.014							Sử dụng khác: 68	

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							Ghi chú
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
9	Trụ sở làm việc CCTK huyện Lục Yên									2009	286	2.622.005	1.130.795	286							
10	Trụ sở làm việc CCTK huyện Mù Cang Chải									2019	232	3.260.140	2.469.752	232							
11	Trụ sở làm việc CCTK huyện Trạm Tấu									2005	286	1.769.269	849.243	286							
12	Trụ sở làm việc CCTK huyện Trấn Yên									2019	262	3.181.736	2.408.125	262							
13	Trụ sở làm việc Chi cục thống kê huyện Văn Chấn									2012	400	2.543.034	745.363	400							
14	Trụ sở làm việc Chi cục thống kê huyện Văn Yên									2009	286	1.377.164	581.632	286							
15	Trụ sở làm việc Chi cục Thống kê huyện Yên Bình									2008	286	1.739.082	583.086	286							
16	Trụ sở làm việc chi cục thống kê Thành phố Yên Bái									2012	286	2.241.910	958.146	286							
17	Trụ sở làm việc Chi cục Thống kê Thị xã Nghĩa Lộ									2016	274	2.154.866	1.301.193	274							
18	Trụ sở làm việc Văn phòng Cục									1998	1.690	11.550.002	4.895.268	1.690							
	Tổng cộng:	**3.474**	**75.792.550**	**3.474**							**4.706**	**36.747.574**	**18.434.720**	**4.288**						**418**	

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Đoan Trang

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Vũ Tuấn Hà

QLTS.VN

Bộ, tỉnh: Tỉnh Yên Bái **Mẫu số 09c-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Yên Bái

Mã đơn vị: 1056742

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Xe ô tô**		**1**	**1.142.900**	**1.142.900**		**228.123**							
1	BKS 21A-001.58	Gara ô tô	1	1.142.900	1.142.900		228.123			x				x
II	**Tài sản cố định khác**		**742**	**7.581.275**	**7.374.643**	**206.631**	**1.681.883**							
1	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8RXW053) + màn hình Dell E2020H (9XJ2F23)	Phòng Kinh tế 2	1	18.490	18.490				x					x
2	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8RQT053) + màn hình Dell E2020H (75P5F23)	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	18.490	18.490				x					x
3	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8RMM053) + màn hình Dell E2020H (4V72F23)	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	18.490	18.490				x					x
4	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8RHM053) + màn hình Dell E2020H (1JB2F23)	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	18.490	18.490				x					x
5	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8R5P053) + màn hình Dell E2020H (4XQ5F23)	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	18.490	18.490				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán tại thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8R3R053) + màn hình Dell E2020H (GNH2F23)	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	18.490	18.490				x					x
7	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8R1S053) + màn hình Dell E2020H (8GN5F23)	Phòng Thu thập thông tin 1	1	18.490	18.490				x					x
8	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8R1R053) + màn hình Dell E2020H (F4P5F23)	Phòng Cục trưởng	1	18.490	18.490				x					x
9	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8S2R053) + màn hình Dell E2020H (8XJ2F23)	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	18.490	18.490				x					x
10	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8R0R053) + màn hình Dell E2020H (3YD2F23)	Phòng Tổng hợp 1	1	18.490	18.490				x					x
11	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8QJT053) + màn hình Dell E2020H (9VD2F23)	Phòng Phó cục trưởng_ĐTTVÂN	1	18.490	18.490				x					x
12	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8QGW053) + màn hình Dell E2020H (XJ2F23)	Phòng Kế toán	1	18.490	18.490				x					x
13	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8PZP053) + màn hình Dell E2020H (6XJ2F23)	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	18.490	18.490				x					x
14	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8PWN053) + màn hình Dell E2020H (78B2F23)	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	18.490	18.490				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8PPM053) + màn hình Dell E2020H (JRR5F23)	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	18.490	18.490				x					x
16	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8PNQ053) + màn hình Dell E2020H (17N2F23)	Chi cục thống kê huyện Lục Yên	1	18.490	18.490				x					x
17	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8NYQ053) + màn hình Dell E2020H (BDP5F23)	Phòng Kế toán	1	18.490	18.490				x					x
18	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8NWN053) + màn hình Dell E2020H (92R5F23)	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	18.490	18.490				x					x
19	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8QÝ053) + màn hình Dell E2020H (GXJ2F23)	Phòng Thu thập thông tin 2	1	18.490	18.490				x					x
20	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8NPN053) + màn hình Dell E2020H (FCB2F23)	Phòng Tổng hợp 2	1	18.490	18.490				x					x
21	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8S7S053) + màn hình Dell E2020H (J9G2F23)	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	18.490	18.490				x					x
22	Máy vi tính để bàn Đông Nam Á	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	10.350	10.350									x
23	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	15.846	15.846									x
24	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Phòng lưu trữ	1	15.846	15.846									x
25	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Phòng Thu thập thông tin 2	1	15.846	15.846									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
26	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Phòng Tổ chức	1	15.846	15.846									x
27	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	15.846	15.846									x
28	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	15.846	15.846									x
29	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Phòng lưu trữ	1	15.846	15.846									x
30	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	15.846	15.846									x
31	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8SBW053) + màn hinh Dell E2020H (8Z72F23)	Phòng Xã Hội	1	18.490	18.490				x					x
32	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	15.846	15.846									x
33	Máy vi tính FPT E5700	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	9.800	9.800									x
34	Máy vi tính FPT E5700	Phòng Thường trực_Văn thư	1	9.800	9.800									x
35	Máy vi tính FPT E5700	Phòng Bảo vệ	1	9.800	9.800									x
36	Máy vi tính FPT E5700	Tài sản chờ thanh lý	1	9.800	9.800									x
37	Máy vi tính để bàn Đông Nam Á	Phòng lưu trữ	1	10.350	10.350									x
38	Máy vi tính để bàn Đông Nam Á	Phòng lưu trữ	1	10.350	10.350									x
39	Máy vi tính để bàn Đông Nam Á	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	10.350	10.350									x
40	Máy vi tính để bàn Đông Nam Á	Phòng lưu trữ	1	10.350	10.350									x
41	Máy vi tính HP ProDesk 600 + màn hình HPV193b	Chi cục thống kê huyên Lục Yên	1	15.846	15.846									x
42	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8NMT053) + màn hinh Dell E2020H (2L72F23)	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	18.490	18.490				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị đặc thù	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
43	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8N5W053) + màn hình Dell E2020H (DOR5F23)	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	18.490	18.490				x					x
44	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8N5S053) + màn hình Dell E2020H (7V82F23)	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	1	18.490	18.490				x					x
45	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01857)	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	8.063	8.063		1.613		x					x
46	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01824)	Phòng Kinh tế 2	1	8.063	8.063		1.613		x					x
47	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5M02128)	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	8.063	8.063		1.613		x					x
48	Máy giặt PANASONIC 10kg	Phòng ăn	1	9.500	9.500		2.375							x
49	Máy điều hòa nhiệt độ Toshiba	Phòng Bảo vệ	1	8.420	8.420									x
50	Máy điều hòa nhiệt độ SUMIKURA - 28000 - 2 chiều	Hội trường	4	154.220	154.220									x
51	Máy điều hòa nhiệt độ Sharp CS09 CH	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	7.350	7.350									x
52	Máy điều hòa nhiệt độ MISHUBISHI 9000BTU	Phòng khách 203	1	14.215	14.215									x
53	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01917)	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	1	8.063	8.063		1.613		x					x
54	Máy điều hòa nhiệt độ MISHUBISHI 9000BTU	Phòng khách 301	1	14.215	14.215									x
55	Máy điều hòa nhiệt độ MISHUBISHI 9000BTU	Phòng khách 205	1	14.215	14.215									x
56	Máy điều hòa nhiệt độ MISHUBISHI 9000BTU	Phòng khách 302	1	14.215	14.215									x
57	Máy điều hòa nhiệt độ MISHUBISHI 9000BTU	Phòng khách 303	1	14.215	14.215									x
58	Máy điều hòa nhiệt độ MISHUBISHI 12000 BTU, 1 chiều	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	15.000	15.000		1.875							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh cố định theo chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
59	Máy điều hòa nhiệt độ FUNIKY 18000 BTU, 1 chiều	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	2	36.000	36.000		4.500		x					x
60	Máy điều hòa nhiệt độ FUNIKI (1 chiều, 9000 BTU)	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	8.500	8.500		5.313		x					x
61	Máy điều hòa nhiệt độ FUNIKI	Chi cục thống kê huyện Lục Yên	1	11.000	11.000									x
62	Máy điều hòa nhiệt độ FUNIKI	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	11.000	11.000									x
63	Máy điều hòa nhiệt độ MISHUBISHI 9000BTU	Phòng khách 204	1	14.215	14.215									x
64	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01928)	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	8.063	8.063		1.613		x					x
65	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01929)	Chi cục thống kê huyện Lục Yên	1	8.063	8.063		1.613		x					x
66	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01932)	Phòng Tổng hợp 1	1	8.063	8.063		1.613		x					x
67	Máy vi tính chuyên dùng loại 4: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8N0V053) + màn hình Dell E2020H (4W72F23)	Phòng Tổng hợp 1	1	18.490	18.490				x					x
68	Máy vi tính chuyên dùng loại 3: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8QPV053) + màn hình Dell E2020H (JX92F23)	Phòng Thu thập thông tin 2	1	24.970	24.970				x					x
69	Máy vi tính chuyên dùng loại 3: Dell OptiPlex 3070 (số hiệu: 8M5S053) + màn hình Dell E2020H (BDP5F23)	Phòng Tổng hợp 1	1	24.970	24.970				x					x
70	Máy SCAN Kodak i940	Phòng Thường trực_Văn thư	1	9.850	9.850									x
71	Máy Scan HP (ScanJet Pro 2500 F1)	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	8.450	8.450				x					x
72	Máy photocopy: Fujifim Apeos 4570 CPS	Phòng Thường trực_Văn thư	1	89.760	89.760		67.320		x					x
73	Máy photocopy Cannon IR2530	Phòng Thường trực_Văn thư	1	85.000	85.000									x

STT	Danh mục tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
74	Máy photocopy Cannon IR2202N	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	35.000	35.000				x					x
75	Máy photocopy Cannon IR2202N	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	35.000	35.000				x					x
76	Máy in HP LaserJet Pro 400	Phòng Tổng hợp 1	1	7.953	7.953									x
77	Máy in HP LaserJet Pro 400	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	7.953	7.953									x
78	Máy in HP Laserjet P2035N	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	8.614	8.614									x
79	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNF3503027)	Phòng Thu thập thông tin 1	1	8.063	8.063		1.613		x					x
80	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNF3503020)	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	8.063	8.063		1.613		x					x
81	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC6C00122)	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	8.063	8.063		1.613		x					x
82	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC6C00115)	Phòng Xã Hội	1	8.063	8.063		1.613		x					x
83	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01944)	Phòng Kế toán	1	8.063	8.063		1.613		x					x
84	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01940)	Phòng Kinh tế 1	1	8.063	8.063		1.613		x					x
85	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01936)	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	8.063	8.063		1.613		x					x
86	Máy vi tính HP ProDesk 600 + Màn hình HV193b	Phòng lưu trữ	1	15.846	15.846									x
87	Máy điều hòa nhiệt độ FUJITSU 180000BTU(Model AQ40GPQ)	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	2	19.900	19.900		4.975		x					x
88	Máy vi tính HP ProDesk600 + màn hình	Phòng Kinh tế 1	1	15.846	15.846									x
89	Máy vi tính xách tay DELL Latitude 3440	Phòng Thu thập thông tin 1	1	29.843	29.843		17.906		x					x
90	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	3	7.950	7.950									x
91	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	2	5.300	5.300									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh, tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
92	Tủ đựng tài liệu 4 buồng phủ sơn MHF	Phòng Cục trưởng	1	5.700	5.700									x
93	Tủ đựng tài liệu 4 buồng chất liệu MHF	Phòng Thu thập thông tin 1	1	5.700	5.700									x
94	Tủ đựng tài liệu	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	2	6.400	6.400									x
95	Tủ đứng gỗ vernia sồi	Phòng Cục trưởng	1	7.920	7.920									x
96	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	Phòng khách 303	1	5.500	5.500									x
97	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	Phòng khách 204	1	5.500	5.500									x
98	Tủ đựng tài liệu màu nâu bóng (KT: 2,4m x 2m)	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	9.250	9.250									x
99	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	Phòng khách 301	1	5.500	5.500									x
100	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	Phòng khách 203	1	5.500	5.500									x
101	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	Phòng khách 302	1	5.500	5.500									x
102	Tivi Panasonic 32inch LED	Phòng khách 101	1	5.900	5.900									x
103	Tivi Panasonic 32inch LED	Phòng khách 102	1	5.900	5.900									x
104	Tivi Panasonic 32inch LED	Phòng khách 201	1	5.900	5.900									x
105	Tivi Panasonic 32inch LED	Phòng Bảo vệ	1	5.900	5.900									x
106	Tivi Panasonic 32A 400V	Phòng khách 204	1	6.300	6.300									x
107	Tivi Panasonic 32A 400V	Phòng khách 303	1	6.300	6.300									x
108	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	Phòng khách 205	1	5.500	5.500									x
109	Tivi Panasonic 32A 400V	Phòng khách 302	1	6.300	6.300									x
110	Tủ đựng tài liệu NB1830-4B	Phòng Phó cục trưởng_ĐTTVÂN	1	5.900	5.900									x
111	Tủ gỗ 2 buồng (1,1x2,0x0,45)	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	2	8.600	8.600									x
112	Vách trang trí kệ ti vi	Phòng Cục trưởng	5	11.088	11.088									x
113	Tủ tài liệu sắt HP	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	2	6.280	6.280									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
114	Tủ tài liệu lãnh đạo	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	6.500	6.500									x
115	Tủ tài liệu Hoát Phát DC2200H2	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	8.350	8.350		3.131		x					x
116	Tủ tài liệu Hòa Phát DC2200H2 (4 buồng)	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	9.500	9.500		2.375		x					x
117	Tủ tài liệu Hòa Phát DC1340H1 (3 buồng)	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	7.400	7.400		1.850		x					x
118	Tủ tài liệu gỗ Vernia sồi	Phòng Cục trưởng	1	23.654	23.654									x
119	Tủ tài liệu 4 cánh	Phòng Phó cục trưởng_ĐTTVÂN	1	13.900	13.900									x
120	Tủ đựng tài liệu TU09K3	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	2	6.400	6.400									x
121	Tủ tài liệu 4 buồng DC220H2 - Hòa Phát	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	8.800	8.800									x
122	Tủ tài liệu 3 buồng HP	Phòng Thu thập thông tin 1	2	7.800	7.800									x
123	Tủ lạnh Mitshubishi F17	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	5.600	5.600									x
124	Tủ lạnh Mitshubishi F17	Phòng khách 205	1	5.600	5.600									x
125	Tủ lãnh đạo	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	8.200	8.200		1.025		x					x
126	Tủ lạnh	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	5.100	5.100									x
127	Tủ hòa âm liến CS-2088	Hội trường	1	11.760	11.760									x
128	Tủ gỗ sồi nga 2 cánh	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	2	10.800	10.800		2.700		x					x
129	Tủ gỗ sồi nga 2 buồng	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	2	11.600	11.600									x
130	Tủ tài liệu 3 cánh	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	5.800	5.800									x
131	Tivi Panasonic 32A 400V	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	6.300	6.300									x
132	Tivi Panasonic 32A 400V	Phòng khách 203	1	6.300	6.300									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
133	Tivi Panasonic 32A 400V	Phòng khách 205	1	6.300	6.300									x
134	Rèm cửa và phông rèm hội trường, phòng họp	Hội trường	1	98.446	98.446									x
135	Rèm cửa	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	31	12.400	12.400									x
136	Rèm cửa	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	54	18.900	18.900									x
137	Phần mềm kế toán MISA	Phòng Kế toán	1	14.950	14.950									x
138	Ổn áp Lioa	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	6.750	6.750									x
139	Micro không dây đôi	Hội trường	1	5.250	5.250									x
140	Máy vi tính xách tay TOSHIBA	Phòng mạng	1	32.750	32.750									x
141	Máy vi tính xách tay Laptop HP Probook 4410s	Phòng Thường trực_Văn thư	1	23.951	23.951									x
142	Tăng âm	Hội trường	1	5.000	5.000									x
143	Máy vi tính xách tay HP 240 G5	Phòng Thu thập thông tin 2	1	13.066	13.066									x
144	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	26.660	26.660		21.328							x
145	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Phòng Phó cục trưởng_ĐTTVÂN	1	26.660	26.660		21.328							x
146	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	26.660	26.660		21.328							x
147	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Phòng Thu thập thông tin 1	1	26.660	26.660		21.328							x
148	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Phòng Thường trực_Văn thư	1	26.660	26.660		21.328							x
149	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Phòng Cục trưởng	1	26.660	26.660		21.328							x
150	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Phòng Xã Hội	1	26.660	26.660		21.328							x
151	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	26.660	26.660		21.328							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
152	Máy vi tính xách tay DELL LATITUDE 3540	Phòng Kinh tế 1	1	26.660	26.660		21.328							x
153	Thảm trải sàn	Phòng Cục trưởng	45	16.150	16.150									x
154	Thảm trải sàn	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	35	12.650	12.650									x
155	Thiết bị chuyển mạch loại 4	Phòng mạng	1	92.354	92.354		73.883		x					x
156	Tivi Panasonic 32A 400V	Phòng khách 301	1	6.300	6.300									x
157	Ti vi Panasonic 32C410	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	2	12.380	12.380									x
158	Ti vi LG LED 55UP7500PTC	Hội trường	1	14.700	14.700		5.880		x					x
159	Thiết bị phòng cháy chữa cháy	Phòng Thường trực_Văn thư	1	10.320	10.320									x
160	Thiết bị mạng và bảo mật VPN Gateway	Phòng mạng	1	163.183	163.183									x
161	Thiết bị hiển thị và phụ kiện	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	1	28.260	28.260		14.130		x					x
162	Thiết bị hiển thị và phụ kiện	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	28.260	28.260		16.956		x					x
163	Thiết bị hiển thị và phụ kiện	Chi cục thống kê huyên Lục Yên	1	28.260	28.260		14.130							x
164	Thiết bị hiển thị và phụ kiện	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	28.260	28.260		14.130		x					x
165	Thiết bị hiển thị và phụ kiện	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	28.260	28.260		14.130		x					x
166	Thiết bị hiển thị và bộ phụ kiện	Hội trường	1	64.999	64.999		32.500		x					x
167	Thiết bị dây mạng máy tính và điện thoại	Phòng mạng	1	121.649	121.649									x
168	Thiết bị đầu cuối	Chi cục thống kê huyên Lục Yên	1	127.600	127.600		63.800							x
169	Thiết bị đầu cuối	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	127.600	127.600		63.800		x					x
170	Thiết bị đầu cuối	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	127.600	127.600		76.560		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguồn gốc		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh, tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
171	Thiết bị đầu cuối	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	127.600	127.600		63.800		x					x
172	Thiết bị đầu cuối	Phòng mạng	1	244.800	244.800		122.400		x					x
173	Thiết bị đầu cuối	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	1	127.600	127.600		63.800		x					x
174	Thiết bị chuyển mạch loại 5	Phòng mạng	1	52.503	52.503		42.002		x					x
175	Máy vi tính xách tay DELL Latitude 3440	Phòng Tổng hợp 1	1	29.843	29.843		17.906		x					x
176	WAN Optimizer-Sangfor M5000-Q-I	Phòng mạng	1	62.727	62.727									x
177	Máy điều hòa nhiệt độ FUJITSU 12000BTU	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	7.500	7.500		1.875		x					x
178	Máy điều hòa nhiệt độ DAIKIN12000BTU	Phòng Kế toán	1	14.500	14.500									x
179	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	11.480		11.480			x					x
180	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	11.480		11.480			x					x
181	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	11.480		11.480			x					x
182	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê huyên Lục Yên	1	11.480		11.480			x					x
183	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	11.480		11.480			x					x
184	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	11.480		11.480			x					x
185	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Phòng Thu thập thông tin 1	1	11.480		11.480								x
186	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	1	11.480		11.480			x					x
187	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	11.480		11.480			x					x
188	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	11.480		11.480			x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh cơ tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
189	Case máy để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Phòng lưu trữ	1	11.480		11.480			x					x
190	Case máy để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Phòng lưu trữ	1	11.480		11.480			x					x
191	Case máy để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Phòng lưu trữ	1	11.480		11.480			x					x
192	Case máy để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Phòng Xã Hội	1	11.480		11.480			x					x
193	Case máy để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Phòng Tổng hợp 1	1	11.480		11.480			x					x
194	Case máy để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Phòng lưu trữ	1	11.480		11.480			x					x
195	CAMERA DAHUA (1 bộ gồm: 5 mắt camera IP hồng ngoại 2MP Dahua DH-IPC-HFW1230SP-S4; 01 đầu ghi IP 8 kênh Dahua DHI-NVR4208-4KS2/L; 01 ổ cứng ghi hình Seagate 2TB và phụ kiện	Phòng Hành chính - Thi đua	1	20.500	20.500		8.200		x					x
196	Bục tượng Bác hoa sen	Hội trường	1	7.150	7.150									x
197	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600 G2 Small Form Factor PC	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	11.480		11.480			x					x
198	Bục phát biểu gỗ gụ	Hội trường	1	6.380	6.380									x
199	Case máy tính để bàn HP ProDesk 600G2 Small Form Factor PC	Phòng Thường trực_Văn thư	1	11.480		11.480			x					x
200	Case máy tính HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	11.493	11.493									x
201	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (9Q28PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (BY62GJ3)	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	25.529	25.529		10.212		x					x
202	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (9428PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (9472GJ3)	Chi cục thống kê huyên Lục Yên	1	25.529	25.529		10.212		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh cá nhân	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
203	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (8Q28PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (BC62GJ3)	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	25.529	25.529		10.212		x					x
204	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (8328PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (43QYFJ3)	Phòng Thu thập thông tin 2	1	25.529	25.529		10.212		x					x
205	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (5R28PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (9272GJ3)	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	25.529	25.529		10.212		x					x
206	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (5528PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (4CJ3GJ3)	Phòng Tổng hợp 1	1	25.529	25.529		10.212		x					x
207	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (3518PT3)+ Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (2G62GJ3)	Phòng Xã Hội	1	25.529	25.529		10.212		x					x
208	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	11.493	11.493									x
209	Case máy tính HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	11.493	11.493									x
210	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	11.493	11.493									x
211	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Phòng lưu trữ	1	11.493	11.493									x
212	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	11.493	11.493									x
213	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	11.493	11.493									x
214	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Phòng lưu trữ	1	11.493	11.493									x
215	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Phòng Kinh tế 1	1	11.493	11.493									x

STT	Danh mục tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh, tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
216	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	11.493	11.493									x
217	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	1	11.493	11.493									x
218	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	11.493	11.493									x
219	Case máy tính: HP ProDesk 600 G2	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	11.493	11.493									x
220	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	22.330	22.330		17.864		x					x
221	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Phòng Kinh tế 1	1	22.330	22.330		17.864		x					x
222	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Phòng Thu thập thông tin 1	1	22.330	22.330		17.864		x					x
223	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	26.000	26.000									x
224	Bộ bàn ghế tiếp khách (XDCB)	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	12.000	12.000									x
225	Bộ bàn ghế tiếp khách	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	2	6.500	6.500									x
226	Bộ bàn ghế tiếp khách	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	5.000	5.000									x
227	Bộ bàn ghế sofa bàn trà gỗ sồi	Phòng Cục trưởng	1	35.000	35.000									x
228	Bộ bàn ghế sô pha (gỗ sồi Nga tay trứng)	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	10.000	10.000		3.750		x					x
229	Bản quyền phần mềm tham gia họp trực tuyến cho thiết bị đầu cuối	Phòng mạng	1	74.600	74.600				x					x
230	Bàn làm việc lãnh đạo màu nâu bóng (2,4m x 1m x 0,75m)	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	9.250	9.250									x
231	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	2	25.000	25.000									x
232	Bàn làm việc lãnh đạo Hòa Phát	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	2	7.900	7.900									x
233	Bàn làm việc lãnh đạo	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	5.800	5.800									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán tại thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh, tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
234	Bàn làm việc Hòa Phát DT1890H17	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	5.300	5.300									x
235	Bàn làm việc gỗ Vernia Sồi (2,08x0,88x0,81)	Phòng Cục trưởng	1	8.500	8.500									x
236	Bàn làm việc DT1890H25	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	2	8.600	8.600									x
237	Bàn họp	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	5.900	5.900									x
238	Bàn hội thảo gỗ sao mặt kính trạm khảm	Hội trường	4	35.640	35.640									x
239	Bàn hội thảo gỗ sao	Phòng họp	8	31.680	31.680									x
240	Bàn gỗ trạm khảm mặt kính	Hội trường	16	106.920	106.920									x
241	Bàn làm việc lãnh đạo	Phòng Phó cục trưởng_ĐTTVÂN	1	8.400	8.400									x
242	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ	Phòng Tổ chức	1	20.500	20.500									x
243	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	8.600	8.600									x
244	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ	Phòng Thường trực_Văn thư	1	13.250	13.250									x
245	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	22.330	22.330		17.864		x					x
246	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	1	22.330	22.330		17.864		x					x
247	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	22.330	22.330		17.864		x					x
248	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	22.330	22.330		17.864		x					x
249	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	22.330	22.330		17.864		x					x
250	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Phòng Thường trực_Văn thư	1	22.330	22.330		17.864		x					x
251	Bộ máy vi tính để bàn đồng bộ DELL Optiplex SFF 7010	Chi cục thống kê huyện Lục Yên	1	22.330	22.330		17.864		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
252	Bộ lưu điện UPS-UP SELEC 3KVA - Runtime 15 mins@2.1KW	Phòng mạng	1	25.644	25.644									x
253	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ sồi tay 15	Phòng Phó cục trưởng_ĐTTVÂN	1	13.900	13.900									x
254	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ sồi nga (gồm 5 thứ)	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	2	25.000	25.000		3.125							x
255	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ sồi nga (5 thứ)	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	3	30.450	30.450		7.613		x					x
256	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ sồi nga	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	1	9.150	9.150									x
257	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ sồi nga	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	1	12.000	12.000									x
258	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ sồi nga	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	8.000	8.000		4.000		x					x
259	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ Cẩm thị tay 10	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	13.200	13.200									x
260	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ Cẩm thị tay 10	Chi cục thống kê huyên Lục Yên	1	13.200	13.200									x
261	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ tay 20	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	27.140	27.140									x
262	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ tay 10	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	25.000	25.000									x
263	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ	Phòng Thường trực_Văn thư	1	8.600	8.600									x
264	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (CQ28PT3) + Màn hình vi tính Dell 20 Monitor-E2020H (GPJ3GJ3)	Chi cục thống kê huyên Lục Yên	1	25.529	25.529		10.212		x					x
265	Máy điều hòa nhiệt độ DAIKIN12000BTU	Phòng Cục trưởng	1	14.500	14.500									x
266	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (D428PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (B072GJ3)	Phòng Hành chính - Thi đua	1	25.529	25.529		10.212		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh cố định chung	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
267	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (F328PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (1W62GJ3)	Phòng Thu thập thông tin 1	1	25.529	25.529		10.212		x					x
268	Gia hạn dịch vụ và bản quyền thiết bị tường lửa (DVBH 3 năm)	Phòng mạng	1	29.920	29.920		29.920		x					x
269	Gia hạn dịch vụ và bản quyền thiết bị tường lửa (DVBH 3 năm - tính năng phòng chống mối đe dọa))	Phòng mạng	1	28.400	28.400		28.400		x					x
270	Gia hạn dịch vụ và bản quyền thiết bị tường lửa (DVBH 3 năm - tính năng lọc URL)	Phòng mạng	1	43.950	43.950		43.950		x					x
271	Ghế văn phòng TQ07	Phòng Phó cục trưởng_ĐTTVÂN	1	5.900	5.900									x
272	Ghế lãnh đạo	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	6.200	6.200									x
273	Ghế họp	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	8	10.600	10.600									x
274	Ghế hội thảo truyện mạng xà gỗ sao	Phòng họp	24	36.960	36.960									x
275	Ghế hội thảo truyện mạng xà gỗ sao	Hội trường	16	24.640	24.640									x
276	Giá sắt để tài liệu phòng lưu trữ	Phòng lưu trữ	4	5.200	5.200									x
277	Ghế gỗ trạm khảm	Hội trường	64	73.920	73.920									x
278	Ghế giám đốc TQ15	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	2	9.360	9.360									x
279	Ghế bàn họp (W585xD700xH980)	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	7	9.100	9.100									x
280	Điều hòa nhiệt độ Toshiba	Phòng khách 101	1	15.100	15.100									x
281	Điều hòa nhiệt độ Toshiba	Phòng Thường trực_Văn thư	1	13.000	13.000									x
282	Điều hòa nhiệt độ Toshiba	Phòng khách 102	1	13.000	13.000									x
283	Điều hòa nhiệt độ PENSONIC (XDCB)	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	11.000	11.000									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
284	Điều hòa nhiệt độ PENSONIC (XDCB)	Chi cục thống kê huyện Văn Yên	1	11.000	11.000									x
285	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Kinh tế 1	1	9.087	9.087									x
286	Ghế gỗ bọc da màu đỏ	Hội trường	30	6.600	6.600									x
287	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Kinh tế 1	1	9.087	9.087									x
288	Giường 1,2m	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	5	14.000	14.000									x
289	Giường gỗ sồi 1,5x1,9m	Phòng khách 205	1	6.500	6.500									x
290	Máy điều hòa nhiệt độ DAIKIN12000BTU	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	14.500	14.500									x
291	Máy điều hòa nhiệt độ DAIKIN 18000BTU	Phòng Phó cục trưởng_ĐBDIEP	1	22.618	22.618									x
292	Máy chủ - Fujisu Primergy TX300S7	Phòng mạng	1	76.495	76.495									x
293	Máy chiếu Casio XJ-V10X	Phòng mạng	1	33.801	33.801									x
294	Màn hình LED P5 ngoài trời	Phòng Tổ chức	1	299.280	299.280		119.712		x					x
295	Lưu điện dùng cho hệ thống máy chủ	Phòng mạng	1	28.400	28.400		22.720		x					x
296	Loa treo tường	Hội trường	3	9.600	9.600									x
297	Loa thùng đa năng	Hội trường	1	7.600	7.600									x
298	Giường gỗ sồi (1,5x1,9)	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	4	10.800	10.800									x
299	Juniper Wireless AX411	Phòng mạng	1	13.514	13.514									x
300	Juniper EX3200 Switch	Phòng mạng	1	59.960	59.960									x
301	Juniper EX2200 Switch	Phòng mạng	2	66.786	66.786									x
302	IPAD 2019 10.2 wifi + 4G 32GB gold	Phòng Cục trưởng	1	11.990	11.990			x						x
303	Giường gỗ vernia sồi	Phòng Cục trưởng	1	5.700	5.700									x
304	Giường gỗ sồi nga	Chi cục thống kê huyện Trạm Tấu	4	15.000	15.000									x
305	Giường gỗ sồi 1,5x1,9m	Phòng khách 203	1	6.500	6.500									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh cố tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
306	Giường gỗ sồi 1,5x1,9m	Phòng khách 204	1	6.500	6.500									x
307	Giường gỗ sồi 1,5x1,9m	Phòng khách 303	1	6.500	6.500									x
308	Juniper WAN Router SRX 240	Phòng mạng	1	75.365	75.365									x
309	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Thu thập thông tin 2	1	9.087	9.087									x
310	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Thu thập thông tin 2	1	9.087	9.087									x
311	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Tổng hợp 2	1	9.087	9.087									x
312	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI HSC 12000BTU	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	8.800	8.800		4.400		x					x
313	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI 18000BTU, 1 chiều	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	2	31.000	31.000									x
314	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI 18000 2 chiều	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	2	26.200	26.200									x
315	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI 12000 2 chiều	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	4	43.800	43.800									x
316	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI - 18000 - 1 chiều	Hội trường	2	32.100	32.100									x
317	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI - 18000 - 1 chiều	Phòng ăn	2	32.100	32.100									x
318	Điều hòa nhiệt độ FUINIKI 18000BTU	Chi cục thống kê huyên Lục Yên	1	14.600	14.600		1.825		x					x
319	Điều hòa nhiệt độ FUINIKI 18000BTU	Chi cục thống kê huyên Lục Yên	1	14.600	14.600		1.825		x					x
320	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI HSC 18000BTU (1 chiều lạnh)	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	12.500	12.500		4.688		x					x
321	Điều hòa nhiệt độ DAIKIN_18000 (2 chiều)	Phòng Phó cục trưởng_ĐTTVÂN	1	25.150	25.150									x
322	Điều hòa nhiệt độ Casper KC-09FC32, 1 chiều, 9000 BTU	Phòng Hành chính - Thi đua	1	7.200	7.200		5.400		x					x
323	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Xã Hội	1	11.500	11.500									x
324	Đệm HAVINCO (1,5x 1,9x 0,07)	Chi cục thống kê Thị xã Nghĩa Lộ	4	11.600	11.600									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh, tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
325	Chăn, ga, gối, đệm	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	5	14.000	14.000									x
326	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF(3328PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (HZJ3GJ3)	Phòng Kinh tế 1	1	25.529	25.529		10.212		x					x
327	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (H528PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (DRSYFJ3)	Chi cục thống kê huyện Yên Bình	1	25.529	25.529		10.212		x					x
328	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (G528PT3)+ Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (5S62GJ3)	Phòng Kinh tế 2	1	25.529	25.529		10.212		x					x
329	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (FR28PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (3D62GJ3)	Phòng Thu thập thông tin 2	1	25.529	25.529		10.212		x					x
330	Điều hòa nhiệt độ DAIKIN_12000 (2 chiều)	Phòng Cục trưởng	2	34.100	34.100									x
331	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI HSC 9000BTU	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	7.200	7.200		3.600		x					x
332	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI HSC 9000BTU	Chi cục thống kê thành phố Yên Bái	1	7.200	7.200		3.600		x					x
333	Điều hòa nhiệt độ FURIARE 12000, 1 chiều	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	12.450	12.450		3.113		x					x
334	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Tổng hợp 1	1	9.087	9.087									x
335	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Kinh tế 2	1	9.087	9.087									x
336	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Xã Hội	1	9.087	9.087									x
337	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Thu thập thông tin 1	1	9.087	9.087									x
338	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Thu thập thông tin 1	1	9.087	9.087									x
339	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng khách 201	1	9.087	9.087									x
340	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Kinh tế 2	1	9.087	9.087									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
341	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	Phòng Tổng hợp 1	1	9.087	9.087									x
342	Điều hòa nhiệt độ National	Phòng mạng	1	13.000	13.000									x
343	Điều hòa nhiệt độ National	Phòng họp	1	13.000	13.000									x
344	Điều hòa nhiệt độ National	Phòng họp	1	13.000	13.000									x
345	Điều hòa nhiệt độ MISHUBSHI 12000 BTU	Chi cục thống kê huyện Mù Cang Chải	1	14.215	14.215				x					x
346	Điều hòa nhiệt độ MISHUBISHI 12000 BTU	Phòng Tổ chức	1	14.215	14.215				x					x
347	Điều hòa nhiệt độ FURIARE 12000, 1 chiều	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	12.450	12.450		3.113		x					x
348	Điều hòa nhiệt độ FURIARE 12000, 1 chiều	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	12.450	12.450		3.113		x					x
349	Điều hòa nhiệt độ FURIARE 12000, 1 chiều	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	12.450	12.450		3.113		x					x
350	Điều hòa nhiệt độ FURIARE 12000, 1 chiều	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	12.450	12.450		3.113		x					x
351	Điều hòa nhiệt độ FURIARE 12000, 1 chiều	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	12.450	12.450		3.113		x					x
352	Điều hòa nhiệt độ FURIARE 12000, 1 chiều	Chi cục thống kê huyện Trấn Yên	1	12.450	12.450		3.113		x					x
353	Cây máy vi tính Dell Optiplex 3000 SFF (D528PT3) + Màn hình vi tính: Dell 20 Monitor-E2020H (86C2GJ3)	Chi cục thống kê huyện Văn Chấn	1	25.529	25.529		10.212		x					x
354	WinSvrStd 2012 SNGL OLP NL 2 Proc	Phòng mạng	1	20.441	20.441									x

Ngày 12 tháng 02 năm 2025.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Trang

Phạm Đoan Trang

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

Vũ Tuấn Hà

Bộ, tỉnh: Tỉnh Yên Bái

Mẫu số 09d-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Yên Bái

Mã đơn vị: 1056742

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý tiền thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
I	**Đất**															
II	**Nhà**															
III	**Xe ô tô**															
IV	**Tài sản cố định khác**	**1.378.372**		**69.195**												
1	Bàn gỗ trạm khảm mặt kính	106.920								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	Bàn hội thảo gỗ sao	31.680								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Bàn hội thảo gỗ sao mặt kính trạm khảm	35.640								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Bàn họp	5.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	Bàn làm việc DT1890H25	8.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Bàn làm việc gỗ Vernia Sồi (2,08x0,88x0,81)	8.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Bàn làm việc Hòa Phát DT1890H17	5.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
8	Bàn làm việc lãnh đạo	5.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
9	Bàn làm việc lãnh đạo	8.400								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
10	Bàn làm việc lãnh đạo Hòa Phát	7.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
11	Bàn làm việc lãnh đạo màu nâu bóng (2,4m x 1m x 0,75m)	9.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
12	Bộ bàn ghế tiếp khách	6.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
13	Bộ bàn ghế tiếp khách	5.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
14	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ	8.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
15	Bộ bàn ghế tiếp khách Đồng Kỵ	8.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
16	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ sồi nga	8.000		4.000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
17	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ sồi nga	9.150								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
18	Bục phát biểu gỗ gụ	6.380								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
19	Bục tượng Bác hoa sen	7.150								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
20	Chăn, ga, gối, đệm	14.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	Đệm HAVINCO (1,5x 1,9x 0,07)	11.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	Điều hòa nhiệt độ Casper KC-09FC32, 1 chiều, 9000 BTU	7.200		5.400						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI HSC 12000BTU	8.800		4.400						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI HSC 9000BTU	7.200		3.600						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Điều hòa nhiệt độ FUNIKI HSC 9000BTU	7.200		3.600						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
26	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
27	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
28	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
29	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
30	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Thu hồi	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
31	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
32	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
33	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
34	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
35	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
36	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
37	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
38	Điều hòa nhiệt độ Pensonic	9.087								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
39	Ghế bàn họp (W585xD700xH980)	9.100								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
40	Ghế giám đốc TQ15	9.360								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
41	Ghế gỗ bọc da màu đỏ	6.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
42	Ghế gỗ trạm khám	73.920								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
43	Ghế hội thảo truyện mạng xà gỗ sao	24.640								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
44	Ghế hội thảo truyện mạng xà gỗ sao	36.960								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
45	Ghế họp	10.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
46	Ghế lãnh đạo	6.200								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
47	Ghế văn phòng TQ07	5.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
48	Giá sắt để tài liệu phòng lưu trữ	5.200								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
49	Giường 1,2m	14.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
50	Giường gỗ sồi (1,5x1,9)	10.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
51	Giường gỗ sồi 1,5x1,9m	6.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
52	Giường gỗ sồi 1,5x1,9m	6.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
53	Giường gỗ sồi 1,5x1,9m	6.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
54	Giường gỗ sồi 1,5x1,9m	6.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
55	Giường gỗ sồi nga	15.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
56	Giường gỗ vernia sồi	5.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
57	Loa thùng đa năng	7.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
58	Loa treo tường	9.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
59	Máy điều hòa nhiệt độ FUJITSU 12000BTU	7.500		1.875						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
60	Máy điều hòa nhiệt độ FUJITSU 180000BTU(Model AQ40GPQ)	19.900		4.975						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
61	Máy điều hòa nhiệt độ FUNIKI (1 chiều, 9000 BTU)	8.500		5.313						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
62	Máy điều hòa nhiệt độ Sharp CS09 CH	7.350								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
63	Máy điều hòa nhiệt độ Toshiba	8.420								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
64	Máy giặt PANASONIC 10kg	9.500		2.375						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
65	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5M02128)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
66	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01824)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
67	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01857)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
68	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01917)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
69	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01928)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
70	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01929)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
71	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01932)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
72	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01936)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
73	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01940)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
74	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC5N01944)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
75	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC6C00115)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
76	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNC6C00122)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
77	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNF3503020)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
78	Máy in HP Laser Jet Pro M203dw (VNF3503027)	8.063		1.613						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
79	Máy in HP Laserjet P2035N	8.614								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
80	Máy in HP LaserJet Pro 400	7.953								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
81	Máy in HP LaserJet Pro 400	7.953								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
82	Máy Scan HP (ScanJet Pro 2500 F1)	8.450								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
83	Máy SCAN Kodak i940	9.850								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
84	Máy vi tính FPT E5700	9.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
85	Máy vi tính FPT E5700	9.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
86	Máy vi tính FPT E5700	9.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
87	Máy vi tính FPT E5700	9.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
88	Micro không dây đôi	5.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
89	Ổn áp Lioa	6.750								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
90	Rèm cửa	12.400								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
91	Rèm cửa	18.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
92	Tăng âm	5.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
93	Thảm trải sàn	16.150								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
94	Thảm trải sàn	12.650								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
95	Ti vi Panasonic 32C410	12.380								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
96	Tivi Panasonic 32A 400V	6.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
97	Tivi Panasonic 32A 400V	6.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
98	Tivi Panasonic 32A 400V	6.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
99	Tivi Panasonic 32A 400V	6.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
100	Tivi Panasonic 32A 400V	6.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
101	Tivi Panasonic 32A 400V	6.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
102	Tivi Panasonic 32A 400V	6.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trường hợp bị mất, bị thu hồi	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
103	Tivi Panasonic 32inch LED	5.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
104	Tivi Panasonic 32inch LED	5.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
105	Tivi Panasonic 32inch LED	5.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
106	Tivi Panasonic 32inch LED	5.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
107	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	5.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
108	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	5.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
109	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	5.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
110	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	5.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
111	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	5.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
112	Tủ áo 2 buồng gỗ sồi	5.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
113	Tủ đứng gỗ vernia sồi	7.920								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
114	Tủ đựng tài liệu	6.400								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trường hợp báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chứng từ xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
115	Tủ đựng tài liệu 4 buồng chất liệu MHF	5.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
116	Tủ đựng tài liệu 4 buồng phủ sơn MHF	5.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
117	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	5.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
118	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	7.950								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
119	Tủ đựng tài liệu màu nâu bóng (KT: 2,4m x 2m)	9.250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
120	Tủ đựng tài liệu NB1830-4B	5.900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
121	Tủ đựng tài liệu TU09K3	6.400								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
122	Tủ gỗ 2 buồng (1,1x2,0x0,45)	8.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
123	Tủ gỗ sồi nga 2 buồng	11.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
124	Tủ gỗ sồi nga 2 cánh	10.800		2.700						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
125	Tủ lạnh	5.100								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
126	Tủ lãnh đạo	8.200		1.025						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo đã được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
127	Tủ lạnh Mitshubishi F17	5.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
128	Tủ lạnh Mitshubishi F17	5.600								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
129	Tủ tài liệu 3 buồng HP	7.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
130	Tủ tài liệu 3 cánh	5.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
131	Tủ tài liệu 4 buồng DC220H2 - Hòa Phát	8.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
132	Tủ tài liệu Hòa Phát DC1340H1 (3 buồng)	7.400		1.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
133	Tủ tài liệu Hòa Phát DC2200H2 (4 buồng)	9.500		2.375						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
134	Tủ tài liệu Hoát Phát DC2200H2	8.350		3.131						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
135	Tủ tài liệu lãnh đạo	6.500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
136	Tủ tài liệu sắt HP	6.280								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
137	Vách trang trí kệ ti vi	11.088								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

Ngày 12 tháng 02 năm 2025

Người lập báo cáo	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên và đóng dấu)*
Trang	
Phạm Đoan Trang	**Vũ Tuấn Hà**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Bộ, tỉnh: Tỉnh Yên Bái

Mẫu số 09đ-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Yên Bái

Mã đơn vị: 1056742

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
I	**Đất**															
II	**Nhà**															
III	**Xe ôtô**															
IV	**Tài sản cố định khác**															
	Tổng cộng															

Ngày 12 tháng 02 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

trang

Phạm Đoan Trang

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

Vũ Tuấn Hà